TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Bùi Thị Cẩm

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Xuân T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn An N, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T và anh N đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2022, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Xuân T trình bày:

Chị và anh Nguyễn An N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (nay là Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi ngày 06/5/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2019 vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là

do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị ngày càng trầm trọng, chị không thể tiếp tục chung sống với anh N, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn An N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06/11/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc D cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/12/2022, bị đơn anh Nguyễn An N trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị Xuân T tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (nay là Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh đi làm công trình hay đi nhậu, về chị T nói nên anh có nói nặng lời với chị T, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã. Ngoài mâu thuẫn nêu trên thì vợ chồng anh không còn mâu thuẫn nào khác. Nay chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ và không muốn con cái thiếu tình thương của cha mẹ.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06/11/2017. Trường hợp anh và chị T ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Xuân T. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Xuân T được ly hôn anh Nguyễn An N; về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06/11/2017 cho chị T trực tiếp nuôi; chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Chị T và anh N trình bày không có nên không xem xét. Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn An N và yêu cầu giao con chung của chị và anh N cho chị trực tiếp nuôi. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị Hoàng Thị Xuân T khởi kiện thì bị đơn anh Nguyễn An N có nơi cư trú tại Tổ dân phố X, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Hoàng Thị Xuân T và bị đơn anh Nguyễn An N đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị Xuân T và anh Nguyễn An N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (nay là Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06/5/2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Xuân T và anh Nguyễn An N là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị Xuân T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tổ chức hòa giải để động viên chị T và anh N đoàn tụ nhưng chị T có bản tự khai cho rằng giữa chị và anh N bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, đề nghị không tiến hành hòa giải. Đối với anh Nguyễn An N thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã từ năm 2019 nhưng hiện nay anh vẫn còn thương vợ và không muốn con cái thiếu tình thương của cha mẹ nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh N cũng không có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ; khi Tòa án tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ thì anh N cũng vắng mặt. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Xuân T và anh Nguyễn An N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự có căn cứ xác định: Chị Hoàng Thị Xuân T và anh

Nguyễn An N có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06/11/2017. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị Hoàng Thị Xuân T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc D tuổi còn nhỏ và có giới tính là nữ. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/12/2022, anh Nguyễn An N trình bày trường hợp anh và chị T ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, việc chị T yêu cầu giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc D cho chị trực tiếp nuôi là phù hợp và đảm bảo được các quyền lợi về mọi mặt cho cháu D nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Hoàng Thị Xuân T là người được giao trực tiếp nuôi con chung nhưng không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Xuân T và anh Nguyễn An N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị Hoàng Thị Xuân T và anh Nguyễn An N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị Xuân T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Xuân T được ly hôn anh Nguyễn An N.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Xuân T và anh Nguyễn An N có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06/11/2017. Giao con chung Nguyễn Ngọc D cho chị Hoàng Thị Xuân T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn An N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị Hoàng Thị Xuân T là người được giao trực tiếp nuôi con chung nhưng không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Xuân T và anh Nguyễn An N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị Hoàng Thị Xuân T và anh Nguyễn An N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Hoàng Thị Xuân T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004139 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị T phải chịu.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong